

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ**

Địa chỉ: 92 Đường 2/9 - Q.Hải Châu - TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3522666

Fax: 0511.3258999

Báo cáo tài chính (Báo cáo riêng)

QUÝ I - NĂM 2011

kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Mẫu số Q-01d

**DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - QUÝ 1/2011**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31,867,151,774</b>	<b>28,402,214,665</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2,821,392,909</b>	<b>8,724,869,168</b>
1. Tiền	111		2,821,392,909	924,869,168
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	7,800,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>11,503,107,798</b>	<b>11,503,107,798</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11,503,107,798	11,503,107,798
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5.3</b>	<b>14,038,868,361</b>	<b>5,721,676,355</b>
1. Phải thu khách hàng	131		3,065,171,910	1,877,868,056
2. Trả trước cho người bán	132			320,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			0
5. Các khoản phải thu khác	135		10,973,696,451	3,523,808,299
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>947,258,475</b>	<b>770,253,233</b>
1. Hàng tồn kho	141		947,258,475	770,253,233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,556,524,231</b>	<b>1,682,308,111</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	1,233,061,290	1,003,660,132
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.6	539,324,038	226,890,905
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.6	183,588,382	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	600,550,521	451,757,074
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>174,303,205,912</b>	<b>171,417,540,039</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>5.8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>114,668,647,433</b>	<b>111,623,827,782</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>5.9</b>	<b>96,350,101,433</b>	<b>86,402,995,416</b>
- Nguyên giá	222		129,364,280,521	116,262,333,620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33,014,179,088)	(29,859,338,204)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	<b>5.10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>5.11</b>	<b>18,318,546,000</b>	<b>18,318,546,000</b>
- Nguyên giá	228		18,318,546,000	18,318,546,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>		<b>6,902,286,366</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	241		0	0

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.13</b>	<b>58,903,199,227</b>	<b>58,903,199,227</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		59,513,172,729	59,513,172,729
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(609,973,502)	(609,973,502)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>731,359,252</b>	<b>890,513,030</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	731,359,252	890,513,030
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.15	0	0
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>206,170,357,686</b>	<b>199,819,754,704</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>117,145,321,353</b>	<b>116,680,660,541</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69,885,754,832</b>	<b>72,398,366,196</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.16	46,074,488,049	54,912,470,168
2. Phải trả người bán	312	5.17	4,452,893,691	8,568,232,906
3. Người mua trả tiền trước	313	5.17	85,313,500	4,410,000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.18	595,737,177	393,783,813
5. Phải trả người lao động	315		1,582,333,210	1,676,444,875
6. Chi phí phải trả	316	5.19	856,647,885	2,751,105,508
7. Phải trả nội bộ	317			0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.20	16,377,311,320	3,943,138,926
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.21		0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(138,970,000)	148,780,000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47,259,566,521</b>	<b>44,282,294,345</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		6,210,675,554	6,135,727,721
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.22	41,048,890,967	38,146,566,624
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.23</b>	<b>89,025,036,333</b>	<b>83,139,094,163</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>89,025,036,333</b>	<b>83,139,094,163</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70,171,300,000	70,171,300,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10,811,100,000	10,811,100,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		166,650,000	166,650,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,875,986,333	1,990,044,163
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>206,170,357,686</b>	<b>199,819,754,704</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tài sản thuê ngoài	01		21,479,714,510	21,479,714,510
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	14,630,000
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

**Kế toán trưởng**

*TP.Đà Nẵng, ngày 10 tháng 4 năm 2011*  
**Tổng Giám đốc**

**Đoàn Triệu Chu Luân**

**Võ Thành Nhân**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ**

Địa chỉ: 92 Đường 2/9 - Q.Hải Châu - TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3522666

Fax: 0511.3258999

Báo cáo tài chính (Báo cáo riêng)

QUÝ I - NĂM 2011

kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Mẫu số Q-02d

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 1/2011**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	26,795,215,717	26,041,295,564	26,795,215,717	26,041,295,564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11,997,640	4,719,710	11,997,640	4,719,710
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>26,783,218,077</b>	<b>26,036,575,854</b>	<b>26,783,218,077</b>	<b>26,036,575,854</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	20,268,482,179	18,936,424,167	20,268,482,179	18,936,424,167
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>6,514,735,898</b>	<b>7,100,151,687</b>	<b>6,514,735,898</b>	<b>7,100,151,687</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1,743,013,431	527,280,608	1,743,013,431	527,280,608
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3,818,874,557	3,048,481,378	3,818,874,557	3,048,481,378
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,753,874,557	3,009,811,378	3,753,874,557	3,009,811,378
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	2,481,326,419	1,147,837,041	2,481,326,419	1,147,837,041
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	2,734,202,271	2,847,728,573	2,734,202,271	2,847,728,573
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(776,653,918)</b>	<b>583,385,303</b>	<b>(776,653,918)</b>	<b>583,385,303</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	74,925,365	42,455,574	74,925,365	42,455,574
12. Chi phí khác	32	6.8	1,528,809	14,495,603	1,528,809	14,495,603
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>73,396,556</b>	<b>27,959,971</b>	<b>73,396,556</b>	<b>27,959,971</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(703,257,362)</b>	<b>611,345,274</b>	<b>(703,257,362)</b>	<b>611,345,274</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	162,503,819	0	162,503,819
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(703,257,362)</b>	<b>448,841,455</b>	<b>(703,257,362)</b>	<b>448,841,455</b>

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					

**Kế toán trưởng**

*TP.Đà Nẵng, ngày 10 tháng 4 năm 2011*  
**Tổng Giám đốc**

**Đoàn Triệu Chu Luân**

**Võ Thành Nhân**

**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ- PPGT - QUÝ 1/2011**

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(703,257,362)	611,345,274
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		3,154,840,884	3,394,091,000
- Các khoản dự phòng	03			4,812,197
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,817,938,796)	(555,240,579)
- Chi phí lãi vay	06		3,818,874,557	3,048,481,378
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>4,452,519,283</b>	<b>6,503,489,270</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2,189,219,054)	748,281,905
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(289,093,454)	(354,944,885)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		6,976,529,736	(3,918,873,183)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(70,247,380)	12,755,568
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3,753,874,557)	(3,048,481,378)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(229,407,787)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,128,040,036	42,148,005
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			(134,633,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6,025,246,823</b>	<b>(150,257,698)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6,030,423,723)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			(64,149,375)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		689,898,760	9,639,608
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5,340,524,963)</b>	<b>(54,509,767)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		21,106,637,876	10,766,126,000

4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(27,694,835,995)	(11,244,629,549)
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6,588,198,119)</b>	<b>(478,503,549)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(5,903,476,259)</b>	<b>(683,271,014)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8,724,869,168	1,922,278,649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>2,821,392,909</b>	<b>1,239,007,636</b>

**Kế toán trưởng**

*TP.Đà Nẵng, ngày 10 tháng 4 năm 2011*  
**Tổng Giám đốc**

**Đoàn Triệu Chu Luân**

**Võ Thành Nhân**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ I**



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ, tên giao dịch quốc tế Mailinh Corporation in Northern Central, viết tắt là MLC – INC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 ngày 30 tháng 10 năm 2000 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi lần thứ 10 là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400382219 ngày 04 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 của Công ty là 70.171.300.000 đồng được chia thành 7.017.130 cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 31/12/2010 bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh	33.533.330.000	3.353.333	47,79 %
2	Hồ Huy	8.880.000.000	888.000	12,65 %
3	Các Cổ đông khác	27.757.970.000	2.775.797	39,56 %
	<b>Cộng</b>	<b>70.171.300.000</b>	<b>7.017.130</b>	<b>100 %</b>

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính Công ty có chi nhánh trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ (TP. Đà Nẵng)	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Dịch vụ vận tải.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế, sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải thủy, bộ;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Dịch vụ cho thuê xe ô tô.

#### **4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ. Trong năm 2010, Công ty thành lập thêm chi nhánh trực thuộc mới gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ (TP. Đà Nẵng): theo Quyết định số 07/2010/QĐ-BTB ngày 10/05/2010.

Theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 29 tháng 9 năm 2010 về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ với mã chứng khoán là MNC, số lượng chứng khoán niêm yết 7.017.130 cổ phiếu tương ứng giá trị 70.171.300.000 đồng.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau:

- Nhà, vật kiến trúc	5 – 20	năm
- Phương tiện vận tải	7 – 10	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	2 – 8	năm

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác phát sinh có liên quan đến kết quả kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

### **11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **14. Thuê tài sản**

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### **16. Phân phối lợi nhuận**

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trích Quỹ dự phòng tài chính hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và chỉ trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ công ty.

Trích Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi: mức trích lập do Hội đồng Quản trị đề nghị mức trích cụ thể cho từng quỹ và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lợi nhuận còn lại sau phân phối cổ tức và trích lập các quỹ được bổ sung toàn bộ vào lợi nhuận tích lũy.

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	262.411.735	360.725.690
Tiền gửi ngân hàng	2.558.981.174	564.143.478
Các khoản tương đương tiền	-	7.800.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.821.392.909</b>	<b>8.724.869.168</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản đầu tư ngắn hạn	11.503.107.798	11.503.107.798
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>11.503.107.798</b>	<b>11.503.107.798</b>

#### 3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	3.065.171.910	1.877.868.056
Trả trước cho người bán	-	320.000.000
Các khoản phải thu khác	10.973.696.451	3.523.808.299
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>14.038.868.361</b>	<b>5.721.676.355</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

#### 4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	947.258.475	770.253.233
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>947.258.475</b>	<b>770.253.233</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>947.258.475</b>	<b>770.253.233</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí mua bảo hiểm chờ phân bổ	1.146.125.864	985.917.587
Chi phí CCDC chờ phân bổ	10.978.590	3.199.818
Chi phí thuê văn phòng, bến bãi	64.367.200	14.542.727
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.589.636	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.233.061.290</b>	<b>1.003.660.132</b>

### 6. Các khoản thuế phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	539.324.038	226.890.905
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuế TNDN nộp thừa theo BCTC kiểm toán năm 2010)	183.588.382	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>722.912.420</b>	<b>226.890.905</b>

### 7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	595.550.521	341.757.074
Thế chấp ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	110.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>600.550.521</b>	<b>451.757.074</b>

### 8. Các khoản phải thu dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện, vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư 01/01/11	<u>3.119.816.978</u>	<u>112.655.392.754</u>	<u>487.123.888</u>	<u>116.262.333.621</u>
Tăng do sáp nhập	-	-	-	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	13.101.946.901	-	13.101.946.901
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư 31/03/11	<u>3.119.816.978</u>	<u>125.757.339.655</u>	<u>487.123.888</u>	<u>129.364.280.521</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư 01/01/11	<u>610.124.046</u>	<u>28.871.139.046</u>	<u>378.075.112</u>	<u>29.859.338.204</u>
Tăng do sáp nhập	-	-	-	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	69.411.000	3.061.276.884	24.153.000	3.154.840.884
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư 31/03/11	<u>679.535.046</u>	<u>31.932.415.930</u>	<u>402.228.112</u>	<u>33.014.179.088</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2011	2.509.692.932	83.784.253.708	109.048.776	86.402.995.416
<b>Tại ngày 31/03/2011</b>	<u>2.440.281.932</u>	<u>93.824.923.725</u>	<u>84.895.776</u>	<u>96.350.101.433</u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đến 31/03/2011 tài sản cố định thuê tài chính của Công ty đã được chuyển thành tài sản của Công ty.

### 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hoá	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/11	-	18.318.546.000	-	-	18.318.546.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 31/03/11		<b>18.318.546.000</b>			<b>18.318.546.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/11	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 31/03/11	-	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2011	-	18.318.546.000	-	-	18.318.546.000
<b>Tại ngày 31/03/2011</b>	-	<b>18.318.546.000</b>	-	-	<b>18.318.546.000</b>

Tài sản cố định vô hình đến 31/03/2011 bao gồm quyền sử dụng đất của 02 lô đất sau:

\* Khu đất A3.3 thuộc Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ - Xã Hòa Châu - Huyện Hòa Vang - thành phố Đà Nẵng với diện tích 12.594.80 m<sup>2</sup> với số tiền 17.382.546.000 đồng. Tài sản này đã được đem đi thế chấp tại Ngân Hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

\* Khu đất Văn phòng Công ty tại Đường 2/9 - TP. Đà Nẵng với số tiền: 936.000.000 đồng.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư 05 xe Toyota Vios E cho VP	-	2.428.232.725
Đầu tư 03 xe Toyota Innova G cho VP	-	1.941.414.546
Đầu tư 05 xe Toyota Vios E cho CN TP.HCM	-	2.532.639.095
<b>Tổng cộng</b>	-	<b>6.902.286.366</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	59.513.172.729	59.513.172.729
Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(609.973.502)	(609.973.502)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>58.903.199.227</b>	<b>58.903.199.227</b>

*Các khoản đầu tư vào công ty con đến ngày 31/12/2010 như sau:*

	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2010	Tỷ lệ vốn góp thực tế
CTY TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	13.620.000.000	100%
CTY TNHH MTV Mai Linh Tam kỳ	2.700.000.000	100%
CTY TNHH MTV Mai Linh Hội An	11.000.000.000	100%
CTY TNHH MTV Mai Linh Huế	13.500.000.000	100%
CTY TNHH MTV Mai Linh Quảng trị	2.700.000.000	100%
CTY TNHH Mai Linh Quảng Bình	12.600.000.000	75%
CTY CP ĐTXD Khai Thác Đầm Đổ & Trạm Dừng Chân Mai Linh	3.193.172.729	100%
CTY TNHH Cà Phê Arabica Mai Linh	200.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>59.513.172.729</b>	

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm ô tô chờ phân bổ	-	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	586.304.868	685.085.868
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	92.061.474	99.418.252
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	52.992.910	106.008.910
<b>Tổng cộng</b>	<b>731.359.252</b>	<b>890.513.030</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 15. Tài sản dài hạn khác

Đến 31/03/2011 tài sản dài hạn khác của Công ty không có phát sinh.

### 16. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	15.165.163.105	18.500.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác	6.286.050.000	4.708.050.000
Nợ dài hạn đến hạn trả ngân hàng	14.531.249.812	19.053.548.416
Nợ dài hạn cá nhân đến hạn trả	7.860.550.000	9.654.550.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-
Nợ tiết kiệm CNV đến hạn trả	1.798.139.000	2.417.868.000
Nợ dài hạn đến hạn trả khác	433.336.132	578.453.752
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.074.488.049</b>	<b>54.912.470.168</b>

\* Vay ngắn hạn ngân hàng 15.165.163.105 là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Đà Nẵng; Ngân Hàng Tiên Phong Chi nhánh Đà Nẵng & Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – CN Đà Nẵng với lãi suất 18%/năm đến 20%/năm để dùng làm vốn lưu động.

\* Vay ngắn hạn cá nhân là các khoản vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 1.35%/tháng đến 1,57%/tháng.

\* Nợ tiết kiệm CNV là những khoản mà cán bộ CNV vay tiêu dùng qua ngân hàng mà Công ty vay lại với lãi suất từ 17.9%/năm đến 20%/năm.

### 17. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	4.452.893.691	8.568.232.906
Người mua trả tiền trước	85.313.500	4.410.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.538.207.191</b>	<b>8.572.642.906</b>

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế TNDN	-	45.819.405
Thuế GTGT	423.227.343	85.062.428
Thuế TNCN	116.619.834	207.011.980
Các loại thuế khác	55.890.000	55.890.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>595.737.177</b>	<b>393.783.813</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả cho CBNV	65.837.626	-
Phần chênh lệch khấu hao tài sản cố định của các hợp đồng đầu tư xe	587.550.808	404.249.404
Các khoản phải trả cho người lao động	-	2.011.085.100
Chi phí phải trả khác	203.259.451	335.771.004
<b>Tổng cộng</b>	<b>856.647.885</b>	<b>2.751.105.508</b>

### 20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	674.588.001	263.305.827
Kinh phí công đoàn	51.398.688	46.148.605
Đầu tư xe thương quyền	13.870.145.000	2.150.000.000
Quỹ hỗ trợ tai nạn, rửa xe, tiếp thị, kỷ luật	236.510.971	326.474.132
Cổ tức phải trả cho cổ đông	799.802.500	895.527.000
Thu nhập thu hộ nhà đầu tư xe thương quyền	491.128.413	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	253.737.747	261.683.362
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.377.311.320</b>	<b>3.943.138.926</b>

### 21. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ của NV lái xe và nhận ký cược mở thẻ MCC của khách hàng.

### 22. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngân hàng	27.320.125.036	25.362.525.036
Vay các đối tượng khác	2.696.637.916	1.894.097.573
Thuê tài chính	-	-
Vay dài hạn CBCNV	7.246.407.000	7.104.223.000
Vay các Công ty trong Tập đoàn	3.785.721.015	3.785.721.015
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.048.890.967</b>	<b>38.146.566.624</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

\* Các khoản vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 36 đến 60 với lãi suất từ 14%/năm đến 16%/năm

\* Các khoản vay dài hạn cá nhân, tổ chức khác là các khoản vay có thời hạn từ 13 đến 60 tháng với lãi suất từ 1,52%/tháng đến 1,54%/tháng.

**Vay các công ty trong tập đoàn được chi tiết như sau:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	3.785.721.015	3.785.721.015
Công Ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	-
Công Ty TNHH MTV Mai Linh Huế	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.785.721.015</b>	<b>3.785.721.015</b>

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### 23.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Số dư 01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư 31/03/2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.171.300.000	-	-	70.171.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	10.811.100.000	-	-	10.811.100.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	166.650.000	-	-	166.650.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	1.990.044.163	6.593.870.520	707.928.350	7.875.986.333
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.139.094.163</b>	<b>6.593.870.520</b>	<b>707.928.350</b>	<b>89.025.036.333</b>

\* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng trong kỳ bao gồm khoản điều chuyển lợi nhuận năm 2010 từ các công ty con là: 6.589.199.532

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400382219 thay đổi lần thứ 10 ngày 04/08/2010, vốn điều lệ của Công ty là 70.171.300.000 đồng và các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	70.171.300.000	70.171.300.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.171.300.000</b>	<b>70.171.300.000</b>

### 23.3. Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	1.990.044.163	989.246.844
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	5.885.942.170	4.828.362.319
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Chi trả cổ tức	-	3.827.565.000
Chi khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.875.986.333</b>	<b>1.990.044.163</b>

### 23.4. Cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	7.017.130	7.017.130
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	7.017.130	7.017.130
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	7.017.130	7.017.130
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phần		



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 23.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.990.044.163
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	7.017.130	7.017.130
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	<u>-</u>	<u>284</u>

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ taxi	24.140.634.093	24.171.520.452
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe	940.909.092	930.227.272
Doanh thu dịch vụ hành khách đường bộ	807.818.406	660.000.000
Doanh thu nhượng bán vật tư	68.580.194	69.823.880
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	202.173.000	208.633.046
Doanh thu quản lý xe thương quyền	484.335.469	-
Doanh thu dịch vụ khác	150.765.463	1.090.914
Chiết khấu thương mại	(11.997.640)	(4.719.710)
Doanh thu thuần	<u>26.783.218.077</u>	<u>26.036.575.854</u>

### 2. Giá vốn hàng bán

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ taxi	18.258.131.343	17.404.495.079
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê xe	965.051.246	601.592.381
Giá vốn dịch vụ hành khách đường bộ	667.333.327	660.000.000
Giá vốn nhượng bán vật tư	93.762.614	101.029.163
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	280.417.649	169.307.544
Giá vốn dịch vụ khác	3.786.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<u>20.268.482.179</u>	<u>18.936.424.167</u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư vào công ty con	-	-
Doanh thu cho thuê thương hiệu Mai Linh	1.080.909.091	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	662.104.340	527.280.608
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.743.013.431</b>	<b>527.280.608</b>

### 4. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	-
Chi phí lãi vay	3.753.874.557	3.009.811.378
Chi phí tài chính khác	65.000.000	38.670.000
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.818.874.557</b>	<b>3.048.481.378</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, hoa hồng	182.180.160	89.915.998
Phí thuê thương hiệu	1.788.181.818	840.000.000
Lệ phí chuyển tiền	45.497.832	31.565.114
Chi phí bán hàng khác	465.466.609	186.355.929
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.481.326.419</b>	<b>1.147.837.041</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6. Chi phí quản lý

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí nhân viên	1.983.057.904	1.861.749.551
Chi phí vật liệu	-	-
Bảo hiểm xã hội	130.231.760	121.231.040
Kinh phí công đoàn	64.905.420	55.325.976
Chi phí đồ dùng văn phòng	117.757.339	131.847.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.564.000	78.177.000
Thuế, phí và lệ phí	5.597.700	19.952.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.019.212	122.255.157
Chi phí bằng tiền khác	210.068.936	457.189.154
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.734.202.271</b>	<b>2.847.728.573</b>

### 7. Thu nhập khác

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	-
Các khoản thu nhập khác	74.925.365	42.455.574
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.925.365</b>	<b>42.455.574</b>

### 8. Chi phí khác

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tài sản thuê tài chính	-	-
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	268.809	833.000
Các khoản chi phí khác	1.260.000	13.662.603
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.528.809</b>	<b>14.495.603</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	-	162.503.819
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>162.503.819</b>

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí nhân công	9.827.363.121	9.130.548.139
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.335.097.587	6.163.472.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.054.036.084	3.394.091.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.717.185.682	887.915.325
Chi phí khác bằng tiền	4.439.346.395	3.454.956.235
Chi phí lợi thế thương mại	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.373.028.869</b>	<b>23.030.983.128</b>

## VII. Những thông tin khác

### 1. Các tài sản nợ tiềm tàng, các cam kết và những thông tin tài chính khác.

Đến 31/03/2011, các hợp đồng thuê tài chính của Công ty đã hết hiệu lực và các tài sản thuê chính đã chuyển thành tài sản của Công ty.

### 2. Thông tin về các bên có liên quan

Đến ngày 31/03/2011 thông tin các bên liên quan chưa được các bên liên quan xác nhận số liệu.

### 3. Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát.

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	267.045.000	321.768.000
Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	-	54.900.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>267.045.000</b>	<b>376.668.000</b>

- Căn cứ theo “Nghị quyết Đại Hội Cổ Đông” thường niên ngày 22/04/2010:

\* *Mức khoán đối với Hội đồng quản trị: 150.000.000 VND/5 người/năm*

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 1 Năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

Nếu công ty có lãi, đạt hoặc vượt kế hoạch thì ngoài mức khoán, thưởng thêm thù lao cho HĐQT & Ban điều hành công ty. Tổng cộng mức khoán & thù lao không vượt quá 2% lợi nhuận sau thuế.

*\* Mức khoán đối với Ban Kiểm soát: 70.000.000 VND/3 người/năm*

- Tại ngày 31/03/2011, Công ty chưa tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên, nên chưa xác định được “Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát” cho Quý 01/2011.

### **VIII. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê xe, thương hiệu và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn từ 5 đến 10 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	<b>Quý này năm nay</b>	<b>Quý này năm trước</b>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	2.178.911.600	2.245.800.000

### **IX. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### **X. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2011 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 04 năm 2011.

*Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm 2011*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Đã ký)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

**ĐOÀN TRIỆU CHU LUÂN**

**VÕ THÀNH NHÂN**